

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 20/2000/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

***Ban hành biểu mức thu phí, lệ phí về
công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản***

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, Cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Khoản 3, Điều 5 Nghị định 93/CP và các điều 18, 19, 20 của bản quy định thi hành Pháp lệnh thú y ban hành kèm theo Nghị định số 93/ ngày 27/11/1993 của Chính phủ;

Căn cứ Khoản 6 và Khoản 7, Điều 2 của Nghị định 50/CP ngày 21/6/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Sau khi có ý kiến của Bộ Thủy sản và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu phí, lệ phí về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

1. Đối tượng nộp phí, lệ phí theo mức thu quy định tại Điều này là các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản khi được cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp giấy phép hoạt động, kiểm tra an toàn phương tiện, thiết bị nghề cá, chất lượng và thú y thủy sản theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cấp lại hoặc gia hạn cấp giấy phép thì thu bằng 50% mức thu quy định đối với loại phí, lệ phí tương ứng; Trường hợp cần xác minh hoặc thực hiện theo quy trình cấp mới thì lệ phí thu theo mức lệ phí cấp mới.

3.Trường hợp khách hàng có đơn yêu cầu kiểm tra ngoài giờ hành chính nhà nước quyđịnh để đảm bảo thời gian thì phí, lệ phí được tính thêm bằng 50% (năm mươiphần trăm) so với mức quy định trong các phụ lục kèm theo quyết định này.

4.Phí, lệ phí thu bằng tiền Việt Nam. Trường hợp mức thu quy định bằng Đô la Mỹ(USD) thì quy đổi từ USD ra tiền Việt nam theo tỷ giá do Ngân hàng nhà nướcViệt Nam thông báo tại thời điểm thu tiền.

Điều 2:Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc Bộ Thủy sản, Chi cục bảo vệ nguồn lợi thuýsản, Trung tâm thủy sản các địa phương (gọi chung là cơ quan bảo vệ nguồn lợithủy sản) tổ chức thu phí, lệ phí bảo vệ nguồn lợi thủy sản được trích 40% (bốn mươi phần trăm) tổng số tiền phí, lệ phí thu được trước khi nộp vào ngân sáchnhà nước để chi phí cho việc tổ chức thu phí, lệ phí, số còn lại (60%) phải nộpvào ngân sách nhà nước.

CụcBảo vệ nguồn lợi thủy sản - Bộ Thủy sản có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn cáccơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản thực hiện việc thu, nộp và quản lý sử dụngphí, lệ phí bảo vệ nguồn lợi thủy sản thống nhất trong cả nước theo đúng quyđịnh tại Thông tư số 54/1999/TT-BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫnthực hiện Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệphí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 3:Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký; Bãi bỏ các quyđịnh về thu, nộp và quản lý phí, lệ phí bảo vệ nguồn lợi thủy sản trái vớiQuyết định này.

Điều 4:Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp phí, lệ phí về bảo vệ nguồn lợi thuýsản, Cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các đơn vị thu phí, lệ phí và các cơ quanliên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /2000/QĐ/BTC

ngày 21/2/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A. LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện nghề cá	Chiếc	40.000	
2	Giấy đăng ký hoạt động nghề cá (đối với tàu	Làn	30.000	

	trong nước)			
3	Giấy phép di chuyển lực lượng khai thác	Lần	30.000	
4	Sổ danh bạ thuyền viên	1 lần	20.000	
5	Giấy chứng nhận điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn của tàu	1 lần	40.000	
6	Giấy chứng nhận đăng ký sản xuất và kinh doanh giống thủy sản	lần	30.000	
7	Giấy phép di giống	lần	30.000	
8	Giấy phép xuất, nhập khẩu động vật và sản phẩm động vật thủy sản	lần	40.000	
9	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật thủy sản (sử dụng nội địa)	lần	40.000	
10	Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật thủy sản xuất, nhập khẩu, quá cảnh, mượn đường	lần	40.000	
11	Giấy phép xuất, nhập khẩu thuốc thú y, hoá chất, vắc xin và vi sinh vật dùng cho nuôi trồng thủy sản	lần	30.000	
12	Giấy chứng nhận đăng ký sản xuất thuốc thú y thủy sản	lần	40.000	
13	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thuốc thú y thủy sản đối với cửa hàng, quầy hàng, đại lý	lần	40.000	
14	Giấy chứng nhận đăng ký thuốc thú y và vắc xin thủy sản	lần	40.000	

15	Giấy phép xuất, nhập khẩu thức ăn cho động vật thủy sản	lần	30.000	
16	Giấy chứng nhận đăng ký sản xuất thức ăn cho động vật thủy sản	lần	40.000	
17	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thức ăn cho động vật thủy sản	lần	40.000	

1	2	3	4	5
18	Giấy chứng nhận cơ sở có đủ điều kiện sản xuất hàng hoá chuyên ngành thủy sản	lần	40.000	
19	Bản đăng ký chất lượng hàng hoá chuyên ngành thủy sản	1 mặt hàng	40.000	
20	Giấy chứng nhận hàng hoá chuyên ngành thủy sản	1 lần	40.000	
21	Giấy chứng nhận thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ	1 lần	40.000	
22	Giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể hai mảnh vỏ	1 lần	40.000	
23	Giấy phép vận hành thiết bị áp lực	1 lần	30.000	
24	Giấy phép chế tạo thiết bị chịu áp lực	1 lần	30.000	
25	Giấy đăng ký hoạt động nghề cá đối với tàu nước ngoài (không kể doanh nghiệp hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam)	1 lần	200 USD	

B. PHÍ KIỂM TRA AN TOÀN PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ

--	--	--	--	--

1	2	3	4	5
I	<u>PHÍ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN</u> <u>NGHỀ CÁ</u>			
1	Thẩm tra xét duyệt thiết kế phí		5% thiết kế phí	
2	Giám sát kỹ thuật đóng mới (kể cả các phương tiện chưa được cơ quan kỹ thuật kiểm tra)		1% giá thành công xưởng	
3	Sao duyệt thiết kế	1 lần thiết kế	100.000	
4	Giám sát kỹ thuật sửa chữa		1,5% giá thành sửa chữa	
5	Kiểm tra thường kỳ:			
	- Kiểm tra phần vỏ tích theo dung tích (TDK)		1.500đ/TDK	
	-Kiểm tra phần vỏ máy và trang thiết bị		900đ/mã lực	
6	Kiểm tra lần đầu			
	- Kiểm tra phần vỏ tích theo dung tích tàu (TDK)		3.300đ/TDK	
	- Kiểm tra phần máy và trang thiết bị		2.000đ/ mã lực	
